

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi Phụ lục của Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay
chứng khoán**

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2396/QĐ-BTC ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán và Tổng Công ty bù trừ và lưu ký chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 634/UBCK-PTTT ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận sửa đổi Phụ lục 03 - Hợp đồng cung cấp dịch vụ vay và cho vay chứng khoán ban hành kèm theo Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2021/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Quản trị Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thông qua việc sửa đổi Phụ lục 03 - Hợp đồng cung cấp dịch vụ vay và cho vay chứng khoán ban hành kèm theo Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Lưu ký Chứng khoán và Quản lý thành viên,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi Phụ lục 03 - Hợp đồng cung cấp dịch vụ của Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán ban hành theo Quyết định số 113/QĐ-VSD ngày 23 tháng 08 năm 2021 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực áp dụng từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Chi nhánh, Trưởng phòng Hành chính Quản trị, Trưởng phòng Lưu ký Chứng khoán và Quản lý thành viên, Trưởng các phòng thuộc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN (để b/c);
- Các SGDCK;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- CN VSD;
- Lưu: VT, LK (25b).

TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Văn Thanh

PHỤ LỤC 03

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-VSD ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Số: /.../HD-SBL

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;
- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 2396/QĐ-BTC ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 05 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương;
- Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12 tháng 07 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;
- Khả năng và nhu cầu của mỗi bên.

Hợp đồng cung cấp dịch vụ quản lý vay và cho vay chứng khoán được lập vào ngày....tháng....năm... như sau:



Bên cung cấp dịch vụ (Bên A): Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Địa chỉ : 112 Hoàng Quốc Việt, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện Thoại : 04 39 747 121 Fax: 04 39 747 120

Số Tài khoản : 122.10.00.0173140

Mở tại Ngân hàng : Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam,
Chi nhánh Hà thành

Mã số thuế : 0104154332

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn Thanh

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Bên sử dụng dịch vụ (Bên B) :

Địa chỉ :

Điện Thoại : Fax:

Số Tài khoản :

Mở tại Ngân hàng :

Mã số thuế :

Người đại diện theo pháp luật :

Chức vụ :

Điều 1. Nội dung dịch vụ cung cấp

Bên A nhận cung cấp cho Bên B các dịch vụ hỗ trợ cho việc thực hiện hoạt động vay/ cho vay chứng khoán của bên B và khách hàng của bên B bao gồm:

1. Mở tài khoản lưu ký chứng khoán có liên quan cho bên B và khách hàng của bên B để theo dõi hoạt động vay/ cho vay chứng khoán;

2. Định giá khoản vay và tính toán lãi khoản vay;

3. Thực hiện chuyển giao và hoàn trả chứng khoán giữa các bên vay và bên cho vay;

4. Định giá và quản lý tài sản thế chấp;

5. Xác định và tính toán quyền liên quan đến chứng khoán thuộc sở hữu của bên cho vay và thực hiện chuyển giao lợi ích phát sinh từ quyền từ bên vay sang bên cho vay theo thỏa thuận và đề nghị của các bên.

6. VSD sẽ cho phép Bên B kết nối vào hệ thống vay và cho vay chứng khoán của VSD qua Cổng giao tiếp điện tử để thực hiện các giao dịch có liên quan và nhận các báo cáo từ VSD.

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

1. Xây dựng hệ thống thỏa thuận vay và cho vay chứng khoán đảm bảo cung cấp được các dịch vụ quy định tại Điều 1 Hợp đồng này;

2. Cung cấp các dịch vụ quy định tại Điều 1 Hợp đồng này cho Bên B đúng theo thỏa thuận của Hợp đồng và quy định của pháp luật liên quan;
3. Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ vay, cho vay chứng khoán theo đúng quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán do Bên A ban hành;
4. Thông báo và hướng dẫn cho Bên B các quy định pháp luật và quy trình liên quan đến hoạt động vay, cho vay chứng khoán;
5. Chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh (nếu có) cho bên B và khách hàng của bên B do lỗi của Bên A gây ra;
6. Quản lý việc sử dụng chứng khoán vay theo đúng mục đích và quy định hiện hành;
7. Thu giá dịch vụ vay, cho vay chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

1. Tuân thủ đúng quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán và các quy chế khác có liên quan do Bên A ban hành và quy định pháp luật liên quan;
2. Cung cấp những thông tin hoặc các tài liệu cho Bên A đầy đủ, kịp thời, chính xác theo đúng quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động vay, cho vay chứng khoán do Bên A ban hành hoặc khi Bên A có yêu cầu bằng văn bản;
3. Thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của bên vay hoặc bên cho vay theo Hợp đồng vay và cho vay chứng khoán đã ký;
4. Chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh (nếu có) cho khách hàng và các đối tượng khác có liên quan do lỗi của Bên B gây ra;
5. Chịu trách nhiệm sử dụng chứng khoán vay đúng mục đích quy định;
6. Trong trường hợp bên B là bên vay, Bên B uỷ quyền cho bên A:
 - Khấu trừ giá trị tương ứng khoản lãi vay từ giá trị tài sản thế chấp bằng tiền (nếu có) trả cho bên cho vay thông qua Thành viên lưu ký đại diện bên cho vay và/hoặc:
 - Chuyển giao toàn bộ tài sản thế chấp (chứng khoán hoặc tiền) cho bên cho vay trong trường hợp bên B mất khả năng thanh toán và không thỏa thuận được với bên cho vay để xử lý;
7. Thanh toán tiền sử dụng dịch vụ vay, cho vay chứng khoán cho bên A hoặc thu tiền sử dụng dịch vụ vay, cho vay chứng khoán của khách hàng để thanh toán cho bên A theo mức giá dịch vụ do Bộ Tài chính quy định.

Điều 4. Thực hiện hợp đồng và giải quyết tranh chấp

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vấn đề phát sinh cần giải quyết hai Bên phải kịp thời thông báo cho nhau để thống nhất cách giải quyết phù hợp;

2. Mọi tranh chấp, bất đồng ý kiến phát sinh trong việc thực hiện Hợp đồng này, hai Bên sẽ giải quyết bằng thoả thuận trên tinh thần hợp tác, tương trợ lẫn nhau. Trường hợp không tự thoả thuận được, các bên có quyền yêu cầu toà án nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định có hiệu lực của Toà án sẽ là quyết định cuối cùng ràng buộc trách nhiệm pháp lý và có giá trị thi hành đối với hai bên.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng

Trong quá trình thực hiện, hai Bên có thể thoả thuận để sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Mọi sự sửa đổi, bổ sung phải được lập thành văn bản có đủ chữ ký của hai Bên và được coi là một phần không tách rời hợp đồng này.

Điều 6. Chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi Hai bên thanh lý chấm dứt hợp đồng hoặc Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng

2. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp Bên B bị Bên A chấm dứt tư cách thành viên nhưng không tự nguyện thanh lý hợp đồng với Bên A.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, bao gồm 04 trang, 06 điều và được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Hà nội, ngày tháng năm
ĐẠI DIỆN BÊN B